



## TIN TỨC - SỰ KIỆN

- 01** Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử
- 02** Chính sách hỗ trợ lao động khó khăn từ gói 26.000 tỷ đồng
- 03** Giải thưởng sản phẩm công nghệ số Make in Vietnam 2021

## HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

- 04** Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 05** Kết quả 5 năm triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp theo các Nghị quyết của Chính phủ
- 06** Tăng cường công tác phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ doanh nghiệp trong thông quan hàng hóa xuất - nhập khẩu
- 07** Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO
- 08** Công nghệ mới - Sản phẩm mới

## KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

- 09** Ứng dụng quản lý tinh gọn trong công nghiệp 4.0

## DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

- 10** Cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG  
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

## KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

Số 04.2021



### TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 35 Trần Hưng Đạo, Phường 10,  
thành phố Đà Lạt

Điện thoại: 0263 3833163

Fax: 0263 3833155

Email: [thongtinkhcnlamdong@gmail.com](mailto:thongtinkhcnlamdong@gmail.com)

Website: <http://skhcn.lamdong.gov.vn>

## KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG





## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

Phát triển Chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện, phát huy kết quả đạt được, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, có giải pháp, cách làm đột phá, mang tính khác biệt, để cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển Chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số vào năm 2025.

Ngày 15/6/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 942/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Chiến lược 942).

Theo đó, đến năm 2030, Việt Nam có chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở mức độ cao trên thế giới, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu theo xếp hạng của Liên Hợp Quốc. Chiến lược do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức triển khai.

Chiến lược 942 nêu rõ, Chính phủ số chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, doanh nghiệp giúp giảm chi phí, tăng năng suất của doanh nghiệp, tạo thuận lợi, mang lại sự hài lòng để người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động của cơ quan nhà nước để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, niềm tin và đồng thuận xã hội. Chính phủ số chuyển đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình.

## Mục tiêu của Chiến lược 942 đến năm 2025

*Một là*, cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội, trong đó đạt một số chỉ tiêu cơ bản, gồm: 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm cho người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ nhập dữ liệu một lần; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính; tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.

*Hai là*, huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội. Một số chỉ tiêu cơ bản gồm: 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước; 100% cổng dịch vụ công cấp bộ, tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

*Ba là*, vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước: 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân, doanh nghiệp cần; 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc; 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất; 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, sử dụng chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật; 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện, 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định; 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động; tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; tối thiểu 70% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến; 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

*Bốn là*, giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, mỗi người dân có danh tính số kèm theo QR code, tiến đến đều có điện thoại thông minh; mỗi hộ gia đình có địa chỉ số, có khả năng truy cập internet cáp quang băng rộng; có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân, trạm y tế xã triển khai hoạt động quản lý trên môi trường số; học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân; người nông dân có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc, giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất đến phân phối cho người tiêu dùng; người dân ở độ tuổi lao động có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm; mỗi tuyến giao thông đường bộ cao tốc được triển khai lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh; mỗi người xuất - nhập cảnh tại Việt Nam dễ dàng, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện các thủ tục cần thiết; mỗi hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất - kinh doanh...

*Năm là*, thay đổi đột phá xếp hạng quốc gia. Xếp hạng quốc gia của Việt Nam về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo đánh giá của Liên Hợp Quốc có sự thay đổi đột phá. Một số chỉ tiêu cơ bản gồm: thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tổng thể; 50 nước dẫn đầu về chỉ số tham gia điện tử; 50 nước dẫn đầu về chỉ số dữ liệu mở.

Để đạt được những mục tiêu đề ra, Chiến lược 942 đã đưa ra một số nhiệm vụ trọng tâm quốc gia như: hoàn thiện môi

trường pháp lý; phát triển hạ tầng số (hạ tầng mạng, nền tảng điện toán đám mây Chính phủ); phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia; phát triển dữ liệu số quốc gia; phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia; bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia.

Trên cơ sở đó, trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định nội bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số và Chính quyền số các cấp phù hợp với định hướng của Chiến lược; rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình phù hợp với định hướng của Chiến lược; ban hành các chính sách, quy định khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số. Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ số; triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây; phát triển hạ tầng internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số gắn kết với phát triển đô thị thông minh. Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội

bộ, ngành, địa phương và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài; phát triển Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương và kết nối với hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia; phát triển các nền tảng, hệ thống sử dụng trong phạm vi bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu. Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương; xây dựng kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước. Xây dựng Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ số. Phát triển hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; triển khai các kênh tương tác

trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước; ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội,... trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số. Đồng thời, triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp theo chiều sâu với việc kiện toàn lực lượng tại chỗ; thuê lực lượng giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ kiểm tra, đánh giá; kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông; tham gia vào các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động; tham gia mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

Chiến lược 942 cũng nêu rõ một số giải pháp để thực hiện như: tổ chức, bộ máy, mạng lưới; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số; tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức; hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp; nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi; chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ; hợp tác quốc tế; bảo đảm kinh phí; đo lường, giám sát, đánh giá triển khai.

*Theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ*





## CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LAO ĐỘNG KHÓ KHĂN TỪ GÓI 26.000 TỶ ĐỒNG

Do đợt bùng phát dịch Covid-19 thứ 4 (từ cuối tháng 4/2021) diễn biến phức tạp, đã tác động mạnh mẽ đến người lao động, đặc biệt là công nhân trong các khu công nghiệp, chế xuất, lao động tự do. Vì vậy, ngày 01/7/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị quyết số 68/NQ-CP về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

Theo đó, Nghị quyết đưa ra 12 chính sách hỗ trợ người lao động, doanh nghiệp khó khăn do đại dịch với tổng kinh phí hơn 26.000 tỷ đồng.

Mục tiêu của Nghị quyết là tập trung vào hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do Covid-19, góp phần phục hồi sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch, ổn định sản xuất, kinh doanh, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động.

Việc hỗ trợ sẽ được thực hiện theo các nguyên tắc: kịp thời, đúng đối tượng, minh bạch, không để tình trạng lợi dụng, trục lợi từ chính sách; xây dựng các tiêu chí, điều kiện thuận lợi và dễ dàng tiếp cận; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả.

## Chính sách hỗ trợ người lao động khó khăn

### **Người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**

#### *Điều kiện*

- Làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tự thực ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp bị tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19;

- Có thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01/5 đến hết ngày 31/12/2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01/5 đến hết ngày 31/12/2021;

- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

#### *Mức hỗ trợ*

Tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng: 1.855.000 đồng/người; từ 01 tháng trở lên mức 3.710.000 đồng/người.

### **Người lao động ngừng việc**

#### *Điều kiện*

- Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc theo Khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động;

- Thuộc đối tượng phải cách ly y tế hoặc trong các khu vực bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 14 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01/5 đến hết ngày 31/12/2021;

- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi ngừng việc.

#### *Mức hỗ trợ*

Hỗ trợ một lần 1 triệu đồng/người.

### **Người lao động chấm dứt hợp đồng lao động**

#### *Điều kiện*

- Người lao động làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tự thực ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp chấm dứt hợp đồng lao động do phải dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19 trong thời gian từ ngày 01/5 đến hết ngày 31/12/2021;

- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.

#### *Mức hỗ trợ*

Hỗ trợ một lần 3.710.000 đồng/người.

### **Lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số nhóm đặc thù khác**

Chính phủ nêu rõ các tỉnh, thành sẽ xây dựng tiêu chí, xác định đối tượng, mức tiền hỗ trợ nhưng không



thấp hơn 1,5 triệu đồng/người hoặc 50.000 đồng/ngày.

*Lưu ý:* mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần trong một chính sách hỗ trợ. Người lao động được hỗ trợ một lần bằng tiền (trừ các đối tượng hưởng chính sách bổ sung) chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ; không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia.

### **Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp**

Hộ kinh doanh phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên (từ ngày 01/5 đến ngày 31/12/2021) để phòng, chống dịch Covid-19 được ngân sách nhà nước hỗ trợ một lần 3 triệu đồng.

Gói hỗ trợ cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất: doanh nghiệp được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội với lãi suất 0% và không phải bảo

đảm tiền vay, để trả lương ngừng việc đối với lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên (thời gian từ ngày 01/5 đến ngày 31/3/2022).

Mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với số người lao động theo thời gian trả lương ngừng việc thực tế tối đa 3 tháng; thời hạn vay vốn dưới 12 tháng.

Doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động để phòng, chống dịch từ ngày 01/5 đến ngày 31/3/2022, khi quay trở lại sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú... cũng được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội với lãi suất 0% để trả lương cho lao động.

*Quốc Tuấn biên tập*



## GIẢI THƯỞNG SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỐ MAKE IN VIETNAM 2021

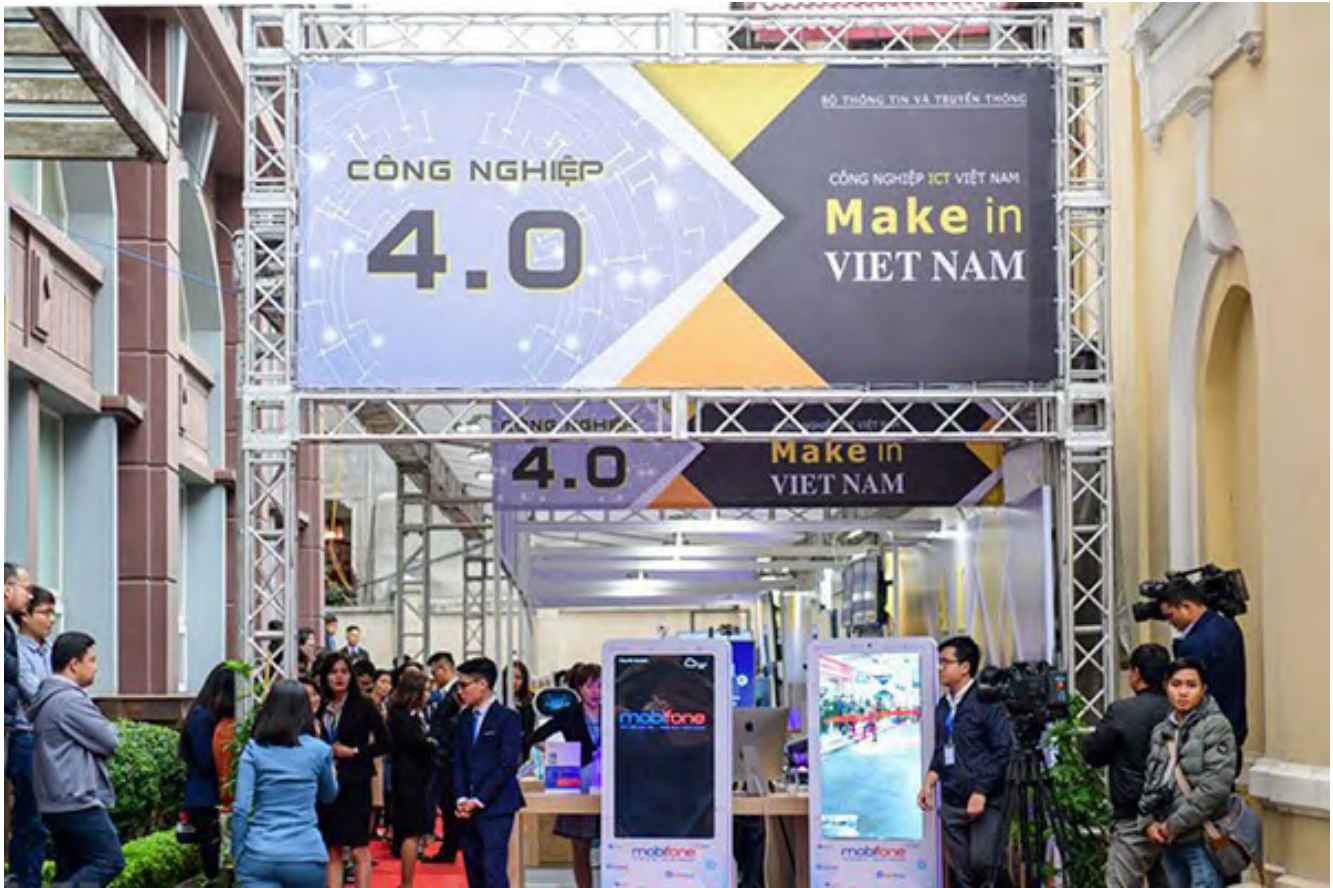
“Sản phẩm công nghệ số Make in Vietnam” là giải thưởng được Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức từ năm 2020 với mục đích tôn vinh các sản phẩm công nghệ số xuất sắc được thiết kế, sáng tạo, sản xuất tại Việt Nam và mang lại giá trị thực tế lớn được ghi nhận trong phát triển kinh tế số, Chính phủ số và xã hội số.

Giải thưởng được tổ chức nhằm thúc đẩy, khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển sản phẩm. Đây chính là hướng đi cho doanh nghiệp công nghệ số làm chủ cả công nghệ và sản phẩm, đi cùng nhịp với các cường quốc trên thế giới trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ số.

Các sản phẩm công nghệ số xuất sắc được trao giải theo 5 hạng mục, gồm: Nền tảng số xuất sắc; Sản phẩm số xuất sắc; Giải pháp số xuất sắc; Thu hẹp khoảng cách số; Sản phẩm số tiềm năng.

Đối tượng tham gia giải thưởng là các tổ chức, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đăng ký kinh doanh theo quy định, có các sản phẩm công nghệ số được thiết kế, sáng tạo tại Việt Nam và được đưa vào ứng dụng thực tế để giải các bài toán Việt Nam. Hạng mục giải thưởng Sản phẩm số tiềm năng chỉ áp dụng đối với các tổ chức sự nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Ban Tổ chức sẽ trao các giải Vàng, Bạc, Đồng và Top 10 cho 4 hạng mục Nền tảng



số xuất sắc; Sản phẩm số xuất sắc; Giải pháp số xuất sắc; Thu hẹp khoảng cách số. Top 10 cũng được trao cho hạng mục Sản phẩm số tiềm năng.

Các sản phẩm được tôn vinh sẽ phải thỏa mãn 2 nhóm tiêu chí chính, đó là thiết kế, sáng tạo tại Việt Nam và có giá trị thực tế. Trong nhóm tiêu chí “Giá trị thực tế”, cơ cấu điểm liên quan đến doanh thu, số lượng người dùng chiếm khoảng 70% số điểm.

Ở giai đoạn sơ khảo, các tiểu ban của Hội đồng Giám khảo sẽ tổ chức chấm điểm hồ sơ đạt tiêu chí qua vòng sơ tuyển, lựa chọn 12 hồ sơ có số điểm cao nhất của mỗi hạng mục giải thưởng.

Các đơn vị tham gia có hồ sơ thuộc nhóm 12 hồ sơ đạt số điểm cao nhất của mỗi hạng mục sẽ thuyết trình, bảo vệ

trước các tiểu ban của Hội đồng tương ứng (theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến) để các tiểu ban đánh giá, lựa chọn top 10 hồ sơ theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp của mỗi hạng mục.

Tại vòng chung khảo, căn cứ vào danh sách đề cử của các tiểu ban, Hội đồng Giám khảo sẽ tổ chức các phiên họp để đánh giá, lựa chọn các giải Vàng, Bạc, Đồng cho 4 hạng mục Giải thưởng và top 10 sản phẩm số tiềm năng.

Đây là năm thứ 2 Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số Make in Vietnam được tổ chức nhằm triển khai Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Giải thưởng sẽ tuyên dương các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam



tiêu biểu thực hiện tốt chiến lược Make in Vietnam; đồng thời, hỗ trợ xúc tiến đầu tư, quảng bá thương mại, thúc đẩy tiêu dùng trong nước và hỗ trợ xuất khẩu cho các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp và mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp công nghệ số.

Sau 1 năm triển khai, Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số Make in Vietnam đã có sự lan tỏa tốt, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam. Nhiều sản phẩm đạt giải đã trực tiếp giúp các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân thực hiện chuyển đổi số. Đặc biệt, nhiều doanh nghiệp công nghệ số đã chung tay cùng đất nước trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Phần lớn các sản phẩm đạt Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số Make in Vietnam năm 2020 đã được nhiều khách hàng biết đến, được đánh giá cao và có cơ hội hợp tác đầu tư mới. Đội ngũ nhân viên phát

triển sản phẩm có thêm niềm hứng khởi để sáng tạo nhiều hơn.

Giải pháp tự động hóa quy trình doanh nghiệp Akabot của FPT có tốc độ tăng trưởng đến 300%/năm. Doanh thu và lượng khách hàng tăng gấp đôi.

Hệ sinh thái giáo dục thông minh VNPT Edu trở thành từ khóa top 1 về học trực tuyến, top 2 về trending với hơn 8,5 triệu lượt tải ứng dụng.

Trợ lý bác sĩ DrAid của VinBrain đã được triển khai tại nhiều bệnh viện của các thành phố lớn như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh. Sản phẩm này cũng đã hỗ trợ rất hiệu quả cho tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh trong việc phòng, chống Covid-19.

Sàn thương mại điện tử Vở sò của Viettel Post đã tích cực hỗ trợ cho hơn 3.000 hộ nông dân đưa sản phẩm lên sàn, tăng 586% so với cùng kỳ năm 2020.

Lễ trao giải dự kiến được tổ chức vào tháng 12/2021.

*Tổng hợp bởi Lê Xuân Thảo*



Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Phan Tâm và ông Hoàng Quang Phòng - Phó Chủ tịch VCCI bấm nút khởi động Giải thưởng “Sản phẩm công nghệ số Make in Vietnam năm 2021”



## HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

**LÊ THỊ MỸ HẰNG**

*Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng*

Sự bùng phát dịch bệnh Covid-19 đã mang lại những thách thức chưa từng có, tác động đáng kể đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Đại dịch Covid-19 khiến thị trường lao động Việt Nam gặp nhiều sóng gió với hàng triệu người lao động bị ảnh hưởng tiêu cực do mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/ngỉ luân phiên, giảm giờ làm, thu nhập bình quân của người lao động bị thâm hụt.

Đại dịch Covid-19 đã tác động rất lớn đến các doanh nghiệp tại Việt Nam, gồm cả khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Trong đó, đối tượng chịu ảnh hưởng tiêu cực nhiều hơn là các doanh nghiệp mới hoạt động dưới 3 năm; doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, nhỏ. Dịch bệnh đã ảnh hưởng đến việc

tiếp cận khách hàng, dòng tiền, người lao động của doanh nghiệp; chuỗi cung ứng của nhiều doanh nghiệp bị gián đoạn, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ sản xuất, dẫn đến chậm trả hàng cho đối tác, giảm đơn hàng, giảm sản lượng, phải trì hoãn, giãn tiến độ đầu tư, thậm chí hủy dự án đang hoặc sẽ thực hiện,...

Để hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất - kinh doanh, nhiều chính sách, giải pháp đã được ban hành kịp thời như Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19; Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước quy định về tổ chức tín

dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ; Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước về các giải pháp cấp bách của ngành Ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19; Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất; Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Việc ban hành kịp thời các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần đối với cộng đồng doanh nghiệp, thể hiện sự đồng hành của Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp để vượt khó.

Tại tỉnh Lâm Đồng, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp khắc phục khó khăn do dịch bệnh Covid-19 gây ra, tiếp cận nhanh chóng và thuận lợi các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, trong năm 2020, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh đã tham gia 3 hội nghị trực tuyến với Chính phủ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; đã gửi 3 văn bản kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét cho các doanh nghiệp được giãn đóng bảo hiểm xã hội, phí công đoàn đối với số

lao động có đóng bảo hiểm phải nghỉ việc thực tế vì dịch bệnh, không khống chế tỷ lệ tối thiểu là 50%. Các khoản chi phí mà doanh nghiệp hỗ trợ chính thức cho Nhà nước thông qua Mặt trận Tổ quốc, Bộ Y tế, UBND tỉnh... để phục vụ công tác phòng, chống dịch theo chủ trương của Nhà nước nên được tính vào chi phí và được khấu trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Đề nghị cho kéo dài thời gian đóng thuế, bảo hiểm xã hội, phí công đoàn... ít nhất 12 tháng. Xem xét cho các doanh nghiệp được giảm 50% tiền thuê đất phải nộp ít nhất trong năm 2020-2021 để các doanh nghiệp có điều kiện sớm phục hồi sản xuất. Đề nghị xem xét cho giữ nguyên nhóm nợ đối với các doanh nghiệp vay ngoại tệ hợp pháp để xuất khẩu; các ngân hàng thương mại cần xem xét việc tăng giá trị tài sản đảm bảo hiện đang được thế chấp tại các ngân hàng để giúp doanh nghiệp được tăng hạn mức vay trong điều kiện doanh nghiệp không còn tài sản đảm bảo, nhất là các doanh nghiệp có khả năng phục hồi sớm và nhanh.

Bên cạnh đó, để giúp các doanh nghiệp khắc phục chuỗi cung ứng bị đứt gãy và thu hẹp thị trường tiêu thụ, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh cũng đã hợp tác với hơn 20 hiệp hội doanh nghiệp của các địa phương khác trong cả nước như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng... để tổ chức cho các hội viên hiệp hội tiêu thụ hàng hóa của nhau, hợp tác cung ứng nguyên liệu sản xuất cho nhau... Ngoài ra, Hiệp hội cũng đã chủ động phối hợp cùng các cơ quan chức năng tổ chức cho các doanh nghiệp Lâm Đồng hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến trà, trái cây, đặc sản, dược liệu... và các đơn



vị phân phối, siêu thị, cửa hàng đặc sản tham gia chương trình xúc tiến thương mại tại tỉnh Cà Mau; tổ chức hội nghị kết nối cung - cầu tại tỉnh Quảng Bình - một hoạt động nằm trong chuỗi sự kiện của Hội nghị ngành Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên lần thứ VII, năm 2020. Tổ chức cho các doanh nghiệp tham dự hội nghị “Hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội phát triển xuất khẩu nông - lâm - thủy sản sang thị trường EU, thực thi hiệu quả Hiệp định EVFTA” tại thành phố Hồ Chí Minh; tham gia Diễn đàn Giao thương trực tuyến “Rau, củ, quả Việt Nam - Hà Lan”; hội nghị xúc tiến thương mại Việt Nam - Ấn Độ, hội nghị giao thương với các doanh nghiệp tỉnh Sơn Đông và thành phố Trùng Khánh - Trung Quốc; hỗ trợ doanh nghiệp gửi hàng mẫu, tài liệu quảng cáo tại hội chợ thương mại quốc tế Đài Trung; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội nghị kết nối giao thương của 3 tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận; tham gia hội nghị xúc tiến tiêu thụ vải thiều Bắc Giang. Tổ chức cho 25 doanh nghiệp tham gia sự kiện giới thiệu quảng bá, kết nối sản phẩm OCOP gắn với văn hóa các tỉnh đồng bằng sông Hồng và các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tổ chức mô hình liên kết giữa hợp tác xã nông nghiệp và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị trên địa bàn.

Ngoài ra, để giúp các doanh nghiệp có điều kiện thực hiện tái cấu trúc nhằm thích ứng với trạng thái bình thường mới sau dịch, Hiệp hội đã tổ chức các lớp đào tạo trực tuyến về chiến lược phát triển doanh nghiệp sau đại dịch Covid-19; về xây dựng chuỗi cung ứng cho Việt Nam và Lâm Đồng trong mùa dịch; ứng dụng

thành tựu IoT trong nông nghiệp dành cho các doanh nghiệp ngành nông nghiệp; về tăng cường hiệu quả sản xuất - kinh doanh thông qua ứng dụng thương mại điện tử; tận dụng cơ hội và thực thi hiệu quả Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA); về giải pháp khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất - kinh doanh sau dịch Covid-19...

Trong thời gian này, do tình hình dịch bệnh nên nông sản trên địa bàn thành phố Đà Lạt bị tồn đọng, Ban Xúc tiến thương mại và hỗ trợ khởi nghiệp thuộc Hiệp hội Doanh nghiệp đã xây dựng phương án hỗ trợ hợp tác xã và bà con nông dân trong tỉnh tiêu thụ 400 tấn bắp sù; kêu gọi Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Anh Đào hỗ trợ bà con trong khâu vận chuyển từ vườn về kho, sơ chế, đóng gói và vận chuyển đến tay người tiêu dùng với chi phí khoảng 400 triệu đồng.

Đến cuối tháng 4/2021, dịch bệnh Covid-19 lần thứ tư bùng phát trở lại với quy mô và mức độ ảnh hưởng lớn hơn nhiều so với các đợt dịch trước đã tác động nặng nề đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, dẫn đến doanh thu giảm mạnh, nhiều lao động phải nghỉ việc.

Phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đều hoạt động cầm chừng. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch thì đóng cửa, doanh thu giảm sút; 90% lao động nghỉ việc hoặc tạm thời ngừng làm việc. Hiện tại, các doanh nghiệp đang gồng mình chống chịu với dịch bệnh, vừa chống dịch vừa sản xuất - kinh doanh để chi trả lương cho người

lao động. Nhiều doanh nghiệp đến hạn trả gốc và lãi vay ngân hàng nhưng không có khả năng thanh toán. Theo quy định của ngân hàng thương mại, nếu doanh nghiệp không trả đúng hạn thì sẽ bị xếp hạng tín dụng; điều này sẽ làm doanh nghiệp càng khó khăn hơn. Nếu tiếp tục kéo dài tình trạng này, nhiều doanh nghiệp sẽ phá sản, kéo theo hàng loạt lao động mất việc làm, không có thu nhập. Trước thực trạng này, Hiệp hội Doanh nghiệp đã có công văn gửi Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, đề nghị các ngân hàng giảm lãi suất cho vay để doanh nghiệp có thể tiếp cận các nguồn vay; đồng thời, đề nghị Bảo hiểm Xã hội tỉnh giãn thời gian đóng bảo hiểm cho lao động khoảng 6 tháng để doanh nghiệp có nguồn vốn tái đầu tư sản xuất và trong thời gian này, miễn tiền lãi chậm đóng cho doanh nghiệp.

Với tình hình phức tạp như hiện nay, nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước đang thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19, các doanh nghiệp khi lưu thông hàng hóa (vận chuyển, giao/nhận hàng) đến các vùng dịch phải thực hiện cách ly theo quy định; điều này dẫn đến chậm trễ, ách tắc trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

Để khắc phục tình trạng trên, Hiệp hội Doanh nghiệp đã đề nghị lãnh đạo các cấp xem xét:

- Bổ sung đối tượng tiêm phòng dịch bệnh Covid-19 đối với các trường hợp cấp thiết của doanh nghiệp (1-2 người).

Các doanh nghiệp có nhu cầu phải thực hiện đăng ký và cam kết trách nhiệm với chính quyền địa phương.

- Đối với các trường hợp thực hiện nhiệm vụ cấp thiết của doanh nghiệp đã đăng ký và cam kết, được lưu thông qua các chốt kiểm tra và không phải thực hiện việc cách ly.

- Có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa không bán, không xuất khẩu được.

Trong chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hội viên năm 2021, sau khi làm việc với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phía Nam (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã đồng ý chủ trương tổ chức 3 khóa đào tạo miễn phí cho doanh nghiệp hội viên (1 khóa chuyên sâu cho nữ lãnh đạo doanh nghiệp; 1 khóa quản trị kinh doanh cho nhân viên doanh nghiệp; 1 khóa đào tạo tại doanh nghiệp ở các huyện). Chương trình đào tạo sẽ được triển khai khi tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát.

Bên cạnh các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng đã thảo luận, bàn bạc và thống nhất báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét chủ trương cho phép Công ty Cổ phần Công nghệ Atalink (đơn vị đã ký thỏa thuận hợp tác với Hiệp hội ngày 04/10/2020) hỗ trợ tỉnh Lâm Đồng (miễn phí) trong việc sử dụng hệ thống phần mềm tích hợp toàn diện về phòng, chống và đánh giá, truy vết nguy cơ lây nhiễm dịch Covid-19 tại nơi làm việc và ký túc xá cho người lao động theo hình thức trực tuyến.

## KẾT QUẢ 5 NĂM TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THEO CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ

Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với các loại hình kinh tế đã được Đảng ta nêu ra từ Đại hội VI (1986); sau này là Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX, Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, năm 2014, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) nhằm tạo sự thay đổi tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh. Cùng với đó, Luật Đất đai, Luật Thương mại, Luật Phá sản, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, có tác động tích cực đến cộng đồng doanh nghiệp.

Đồng thời, Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia như Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 về hỗ trợ và phát triển

doanh nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết số 75/NQ-CP về cắt giảm mức phí, chi phí cho doanh nghiệp...

Để tiếp tục nâng cao hiệu lực pháp lý, đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quốc hội đã thông qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Luật số 04/2017/QH14) với hàng loạt chính sách hỗ trợ cơ bản.

### **Kết quả triển khai các Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp**

#### **Công tác tham mưu, triển khai thực hiện**

Thường xuyên theo dõi tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở trong ngành; phối hợp với các sở, ngành, địa phương cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, xuất - nhập khẩu của các đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh, kịp thời tham mưu, báo cáo UBND tỉnh và đề xuất tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, từ đó giúp các đơn vị ổn định sản xuất, góp phần tăng sản lượng sản phẩm xuất khẩu.

Ban hành các văn bản triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến



năm 2020 của ngành công thương Lâm Đồng; triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

### **Cải cách thủ tục hành chính**

Xây dựng các kế hoạch về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, tuyên truyền cải cách hành chính, rà soát thủ tục hành chính; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật bộ thủ tục hành chính mới ban hành lên hệ thống một cửa.

Đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, đặc biệt trong việc giải quyết thủ tục hành chính. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính đến người dân, doanh nghiệp được thực hiện đồng bộ thông qua việc tiếp xúc với người dân, doanh nghiệp khi đến giải quyết thủ tục hành chính; niêm yết công khai bộ thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng và trên trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <http://sct.lamdong.gov.vn>. 100% thủ tục hành chính được thực hiện trên hệ thống Dịch vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (<https://motcua.lamdong.gov.vn>). Thực hiện có hiệu quả, đẩy mạnh áp

dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001.

Thường xuyên rà soát bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa theo quy định; trong đó, chú trọng thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi đến giải quyết thủ tục hành chính.

### **Công tác thông tin, tuyên truyền**

Thường xuyên phổ biến, nâng cao kiến thức cho doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý bằng nhiều hình thức khác nhau với những nội dung về chính sách, pháp luật thương mại của Việt Nam và các nước trên thế giới để tận dụng ưu đãi trong cam kết quốc tế và có biện pháp tích cực, chủ động phòng tránh các hàng rào kỹ thuật trong thương mại; chính sách mới liên quan đến xuất - nhập khẩu (thuế, hải quan...); kiến thức về thị trường, kỹ năng quản lý, quản trị, điều hành doanh nghiệp; kỹ năng quản lý về công nghệ thông tin, ứng dụng thương mại điện tử để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

Cập nhật thường xuyên nội dung các hiệp định thương mại song phương, đa phương mà Việt Nam đã hoặc dự kiến ký kết; các chủ trương của Đảng, Nhà nước, địa phương về an ninh, quốc phòng, hội nhập kinh tế quốc tế... lên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương.

Tiếp tục cung cấp thông tin mới về kinh tế có liên quan đến ngành công thương nhằm giúp các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nắm bắt thông tin kịp thời, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người lao động.

Xuất bản bản tin thị trường và ngành hàng có thể mạnh của tỉnh để cung cấp thông tin, định hướng cho người dân, doanh nghiệp trong sản xuất - kinh doanh gắn với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong thời kỳ hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng.

### **Chương trình khuyến công**

Hàng năm, hoạt động khuyến công tập trung hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất trong ngành chế biến nông sản (chè, cà phê, rau, củ, quả, tơ lụa...). Đồng thời, hỗ trợ phát triển sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu; sản phẩm phụ tùng và sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; vật liệu xây dựng không nung. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Qua 5 năm triển khai thực hiện Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2013-2020, hoạt động khuyến công của tỉnh đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2016-2020, Chương trình khuyến công đã triển khai thực hiện 284 đề án với tổng kinh phí 55,092 tỷ đồng; trong đó, khuyến công địa phương thực hiện 250 đề án với kinh phí 40,624 tỷ đồng; khuyến công quốc gia triển khai 33 đề án với kinh phí 15,278 tỷ đồng. Trong năm 2020, thực hiện hoàn thành 42/42 đề án (đạt 100% kế hoạch). Trong đó, 37/37 đề án khuyến công địa phương và 5/5 đề án khuyến công

quốc gia với tổng kinh phí thực hiện là 12,050 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Lâm Đồng là một trong 5 tỉnh Tây Nguyên được Cục Công Thương địa phương (Bộ Công Thương) chọn thực hiện đề án khuyến công quốc gia điểm về chế biến cà phê “Hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nâng cao năng suất và chất lượng trong chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020”. Thực hiện nội dung này, Sở Công Thương đã hỗ trợ 44 cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn; trong đó, hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến cho 12 cơ sở và 300 lượt học viên ngành chế biến cà phê tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý cho doanh nghiệp chế biến cà phê với kinh phí 3,4 tỷ đồng. Kết quả, chương trình “Đề án điểm về chế biến cà phê” mang lại hiệu quả kinh tế lớn, giúp doanh nghiệp hoàn thiện sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa cũng như thế giới; đồng thời, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương. Cụ thể, tổng kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất là 3,4 tỷ đồng nhưng thu hút gần 10 tỷ đồng từ các doanh nghiệp. Tổ chức lồng ghép các chương trình trọng điểm của tỉnh đã hỗ trợ 6 đợt khảo sát giao thương với 32 doanh nghiệp chế biến cà phê tham gia và thu được 14 hợp đồng mua bán, trao đổi để tiêu thụ sản phẩm; 22 biên bản hợp tác, liên kết để tiêu thụ sản phẩm được ký kết giữa doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng với doanh nghiệp, nhà phân phối lớn tại miền Bắc, Trung, Nam. Có thể nói, đề án khuyến công quốc gia điểm không

chỉ giúp doanh nghiệp tự tin phát triển mà còn mở ra cơ hội để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, chia sẻ kinh nghiệm, kỹ năng quản lý, từ đó nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

### **Hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng và quảng bá thương hiệu**

- Hoạt động xúc tiến thương mại trong nước được triển khai theo chuyên đề và tập trung vào hỗ trợ doanh nghiệp như tiến hành khảo sát thị trường, tháo gỡ vướng mắc đối với sản phẩm rau, hoa tại các thị trường trọng điểm; hỗ trợ doanh nghiệp liên kết hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thông qua các hội nghị giao thương, kết nối cung - cầu hàng hóa, hội chợ, triển lãm thương mại tại các tỉnh, thành phố trong cả nước.

*Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn:* năm 2016-2019, triển khai tổ chức 12 phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn tại Đà Lạt, Bảo Lộc, Lạc Dương, Lâm Hà, Cát Tiên, Đạ Tẻh, Di Linh, Đam Rông với 279 lượt doanh nghiệp tham gia, thu hút trên 82.750 lượt người đến tham quan, mua sắm, doanh thu bán hàng đạt trên 8 tỷ đồng. Năm 2020, tổ chức 4 phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn tại Đơn Dương, Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Huoai.

*Hội nghị giao thương, kết nối cung - cầu, khảo sát tìm hiểu thị trường:* tham gia 5 hội nghị kết nối cung - cầu hàng hóa tại Tp. Hồ Chí Minh. Phối hợp với Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa tổ chức Hội nghị kết nối cung - cầu hàng hóa sản xuất trong nước giữa doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp phân phối. Tổ chức 3 hội nghị kết nối cung - cầu hàng

hóa tại Phú Yên; hội nghị kết nối doanh nghiệp Trà Vinh với doanh nghiệp Lâm Đồng; triển lãm sản phẩm đặc trưng của tỉnh phục vụ Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2019-2024). Tổ chức 3 đợt khảo sát tìm hiểu thị trường, tháo gỡ khó khăn, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm hoa tại Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng; 1 đợt khảo sát khả năng phân phối kết hợp hội nghị tháo gỡ khó khăn cho sản phẩm rau tại chợ đầu mối, hệ thống siêu thị. Tổ chức đoàn doanh nghiệp sản xuất nông sản của Lâm Đồng đi khảo sát thị trường, tháo gỡ khó khăn, kết nối với nhà phân phối tại khu vực Tây Nam bộ. Triển khai và hỗ trợ đoàn doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh sản phẩm trái cây, nông sản của tỉnh đăng ký tham gia Tuần hàng trái cây, nông sản tại Hà Nội.

- Công tác xây dựng và quảng bá thương hiệu được tập trung triển khai thực hiện. Các cấp, ngành trong tỉnh đã quan tâm, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm, xây dựng và quảng bá nhãn hiệu. Thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” được chú trọng tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông đại chúng; trong các chương trình sự kiện, lễ hội văn hóa của tỉnh. Đến hết năm 2020, UBND thành phố Đà Lạt đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” cho 414 tổ chức, cá nhân.

### **Hỗ trợ doanh nghiệp trong xuất khẩu, phòng vệ thương mại**

Triển khai Quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh về



việc ban hành Đề án phát triển xuất khẩu các mặt hàng chủ lực tỉnh Lâm Đồng đối với từng khu vực và thị trường đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, Sở Công Thương tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, mở rộng thị trường nước ngoài thông qua các hoạt động như: tổ chức kết nối giao thương với các đối tác nước ngoài, kênh phân phối nước ngoài ở Việt Nam; cung cấp thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm ở nước ngoài; cung cấp thông tin về các chương trình xúc tiến thương mại ở nước ngoài, hội chợ quốc tế, thị trường theo ngành hàng nhằm hỗ trợ xuất khẩu; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hồ sơ năng lực, thiết kế thương hiệu, bao bì...

Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử vào kinh doanh thông qua công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn. Hỗ trợ 10 doanh nghiệp xây dựng, phát triển bộ thương hiệu trực tuyến cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh Lâm Đồng; 5 doanh nghiệp xây dựng website thương mại điện tử...

Có văn bản gửi Bộ Công Thương hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình xuất khẩu trái sầu riêng chính ngạch sang thị trường Trung Quốc. Đề nghị Bộ Công Thương, Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh kiểm soát chặt chẽ việc cấp nguồn gốc xuất xứ đối với mặt hàng tơ lụa nhằm phòng tránh hiện tượng gian lận xuất xứ Việt Nam để xuất khẩu sang nước thứ 3.

Hỗ trợ các đơn vị hoạt động trong ngành công thương tham gia Hội chợ

triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2019, tham dự Hội nghị kết nối công nghiệp hỗ trợ - Đà Nẵng 2019; chương trình hỗ trợ kết nối chuyển giao công nghệ từ Hàn Quốc...

Ngoài ra, Sở Công Thương đã tổ chức và phối hợp với Vụ thị trường (Bộ Công Thương), Sở Khoa học và Công nghệ, các tổ chức chứng nhận chất lượng quốc tế để tổ chức chương trình giới thiệu khu vực thị trường, yêu cầu chất lượng, hàng rào kỹ thuật trong thương mại của những thị trường này để định hướng cho doanh nghiệp. Tỉnh Lâm Đồng cũng liên hệ với các Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu cơ hội kết nối giao thương, cung cấp thông tin về các hội chợ quốc tế, bản tin giá cả thị trường theo quý cho doanh nghiệp. Đồng thời, để triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử, tỉnh đã mời đại diện Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (Bộ Công Thương) hướng dẫn doanh nghiệp tìm kiếm thị trường thông qua ứng dụng thương mại điện tử.

Thường xuyên phối hợp kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến các đối tượng sản xuất - kinh doanh trên địa bàn toàn tỉnh bằng nhiều hình thức như: phát tờ rơi, cung cấp thông tin qua đường dây nóng, tài liệu tập huấn...

### **Một số nhiệm vụ phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2026**

#### **Xây dựng và hoàn thiện thể chế**

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư kinh doanh; giảm chi phí khởi nghiệp, chi phí đầu vào; khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

### **Công tác thông tin, tuyên truyền**

Tăng cường triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao kiến thức về thương mại - công nghiệp, hội nhập quốc tế, thương mại điện tử, giới thiệu các khu vực thị trường... trên phương tiện thông tin đại chúng, qua các hội nghị, hội thảo...

### **Nâng cao năng lực hội nhập và cạnh tranh của doanh nghiệp**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển và mở rộng các mô hình sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa kinh tế hộ và doanh nghiệp gắn với thị trường để sản xuất nông nghiệp ở quy mô lớn, giá trị tăng cao.

Tiếp tục triển khai chương trình phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực và có lợi thế cạnh tranh của tỉnh Lâm Đồng và chương trình khuyến công.

Đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”; tiếp tục phát triển nhãn hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh đã được bảo hộ độc quyền.

Tiếp tục hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng.

### **Thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy xuất khẩu**

Tiếp tục quảng bá, thu hút các doanh nghiệp, cá nhân, nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin về chính sách ưu đãi đầu tư, định hướng và kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiếp tục triển khai các đề án thuộc Quyết định số 1832/KH-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển xuất khẩu các mặt hàng chủ lực tỉnh Lâm Đồng đối với từng khu vực thị trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

# TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRONG THÔNG QUAN HÀNG HÓA XUẤT - NHẬP KHẨU

**PHẠM VĂN TRUNG**

*Chi cục Hải quan Đà Lạt*

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 28/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19, trong thời gian qua, Tổng cục Hải quan đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo yêu cầu các đơn vị tăng cường thực hiện các giải pháp, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong phòng, chống dịch Covid-19; thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống Covid-19 và địa phương nơi đơn vị hải quan đóng trụ sở; yêu cầu các đơn vị trực thuộc thực hiện một số nội dung, phương án nhằm đảm bảo mục tiêu kép vừa chống dịch có hiệu quả vừa đảm bảo hoạt động xuất - nhập khẩu được thông suốt, không để gián đoạn chuỗi cung ứng.

Theo đó, để đảm bảo an toàn trong phòng, chống dịch Covid-19 tại đơn vị, việc duy trì hoạt động thông suốt để giải quyết thủ tục cho hàng hóa xuất - nhập khẩu nhanh chóng, kịp thời là giải pháp tốt nhất, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn trước tác động của đại dịch Covid-19.

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến ngày càng phức tạp trên phạm vi cả nước cũng như thế giới, hoạt động xuất - nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chịu nhiều tác động tiêu cực. Theo phản ánh của một số doanh nghiệp, hiện nay, hầu hết các quốc gia đều đang trải qua thời kỳ cách ly tại nhà, giãn cách xã hội và thậm chí là đóng cửa biên giới; do đó, nhu cầu tiêu dùng không còn cao như trước, chủ yếu là nhu cầu cấp thiết cho cuộc sống; kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp có chiều hướng giảm, nhất là những mặt hàng có thể mạnh của tỉnh Lâm Đồng như hoa, chè, cà phê... Chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc đặt tàu, chuyến bay; thời gian vận chuyển hàng hóa xuất - nhập khẩu dài hơn 4 lần so với trước đây, dẫn đến doanh nghiệp không thể chủ động đảm bảo thời gian xuất khẩu hàng hóa cũng như nguồn cung nguyên liệu; chi phí thuê container để vận chuyển hàng xuất khẩu tăng 4 lần nếu đi châu Âu, tăng 1,7 lần đối với khu vực châu Á...



Để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tập thể lãnh đạo, công chức Chi cục Hải quan Đà Lạt (Chi cục) cùng thống nhất một nhận thức, đó là triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định của Bộ Y tế, địa phương. Trong đó, bám sát diễn biến dịch trên địa bàn để sẵn sàng kích hoạt các phương án phòng, chống dịch đã xây dựng, đảm bảo hoạt động của Chi cục được thông suốt, không để ảnh hưởng đến thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt là thủ tục thông quan cho hàng hóa xuất - nhập khẩu.

Theo đó, để hoạt động thông suốt, Chi cục đã xây dựng phương án sẵn sàng ứng phó với các tình huống như: giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 hoặc Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; kể cả trong trường hợp đơn vị có ca nhiễm, công chức, nhân viên phải cách ly tập trung, không thể đến trụ sở cơ quan. Trong đó, cán bộ, công chức phải gương mẫu chấp hành nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch như 5K tại nơi làm việc; không đi đến những nơi có dịch, hạn chế việc đi lại nếu không cần thiết; thực hiện tiêm vắc xin theo yêu cầu từ cơ quan y tế; cài đặt các ứng dụng để thuận tiện trong việc liên lạc, họp trực tuyến; cài đặt các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn trong trường hợp phải cách ly tại nhà; các đội sẵn sàng thực hiện thay thế nhiệm vụ khi công chức đội khác không thể thực hiện nhiệm vụ tại trụ sở; tạo kênh thông tin để giao/nhận tài liệu, hồ sơ, liên lạc,

trao đổi, hỗ trợ doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, hạn chế thấp nhất trường hợp nhân viên của doanh nghiệp phải đến trụ sở Chi cục...

Song song với các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, Chi cục còn tăng cường công tác hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn. Thực hiện mục tiêu của Tổng cục Hải quan là đồng hành cùng doanh nghiệp vượt qua tác động của dịch bệnh Covid-19, ngay từ đầu năm 2021, Chi cục đã xây dựng nhiều kế hoạch để hỗ trợ doanh nghiệp như kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kế hoạch phát triển đối tác hải quan - doanh nghiệp, trong đó tập trung vào các giải pháp hỗ trợ chính như:

- Tiếp tục duy trì và vận hành thông suốt hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS để tiếp nhận và thông quan hàng hóa xuất - nhập khẩu. Trong 6 tháng đầu năm 2021, hệ thống đã tiếp nhận và thông quan trên 6.206 hồ sơ; các thủ tục hành chính khác được doanh nghiệp thực hiện trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến (đạt mức độ 3) với 320 bộ hồ sơ. Việc giải quyết thủ tục hành chính thông qua các hệ thống này đã giúp rút ngắn thời gian xử lý, doanh nghiệp không phải đi lại nhiều lần, hạn chế tiếp xúc trực tiếp với công chức hải quan.

- Tăng cường công tác thu thập thông tin, áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động kiểm tra hải quan, giảm tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa, tăng tỷ lệ tờ khai luồng xanh, vàng. Trong 6 tháng đầu năm, tỷ lệ kiểm tra thực tế đạt 1,7% (tương đương với 105 hồ sơ); còn lại 98,3% lô hàng được

thông quan dựa trên kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan và theo nội dung khai báo.

- Bằng nhiều hình thức khác nhau, kịp thời thông tin đến doanh nghiệp về tình hình xuất - nhập khẩu theo thị trường, ngành hàng; các cam kết quốc tế về thương mại; các chương trình hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp của cơ quan hải quan thực hiện trong năm 2021. Trong năm, Chi cục tiếp tục cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về các ưu đãi thuế quan tại Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA); đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực hiện các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa để được hưởng ưu đãi thuế quan từ các hiệp định này.

- Rà soát những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất - nhập khẩu; kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung trên tinh thần tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa, quy định rõ ràng, dễ thực hiện đối với doanh nghiệp.

- Tổ chức thực hiện thường xuyên, gắn với công tác chuyên môn hàng ngày về việc tuyên truyền, cung cấp thông tin liên quan đến chính sách pháp luật về hải quan; tiếp nhận, giải đáp nhanh các vướng mắc của doanh nghiệp; xử lý các tình huống nghiệp vụ phát sinh hàng ngày: hướng dẫn nghiệp vụ về hồ sơ, thủ tục đối với hàng hóa xuất - nhập khẩu, thuế suất, kiểm tra chuyên ngành, chính

sách chế độ, phân loại hàng hóa, thủ tục khai báo hải quan, giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc hàng hóa (C/O)...

- Chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ trong giải quyết công việc nhanh chóng, thuận lợi, đúng quy định, đảm bảo không để đình trệ, ách tắc công việc, nhất là các công việc có thời hạn, thời hiệu theo quy định của pháp luật; phân công công chức trực tiếp giải quyết thông quan ngoài giờ hành chính khi có yêu cầu từ doanh nghiệp; tuyệt đối không yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ, tài liệu ngoài quy định; tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về nộp xuất trình chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn ra theo quy định tại Thông tư số 47/2020/TT-BTC ngày 27/5/2020 của Bộ Tài chính quy định thời điểm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ, hình thức nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng trong giai đoạn dịch viêm đường hô hấp cấp gây ra bởi virus Corona (COVID-19).

Từ nay đến cuối năm 2021, Chi cục sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp về phòng, chống dịch theo phương án, kịch bản đã xây dựng; đồng thời, tích cực hỗ trợ, cải thiện hơn nữa chất lượng phục vụ; tiếp tục tổng hợp những vướng mắc, bất cập, khó khăn về chính sách, thủ tục liên quan đến lĩnh vực hải quan để kịp thời kiến nghị lên cấp có thẩm quyền xem xét tháo gỡ, góp phần thúc đẩy sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn.

# TIN CẢNH BÁO

## TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



### ISRAEL

**Sản phẩm điều chỉnh:** đồ uống có cồn.

**Thông báo số:** G/TBT/N/ISR/1209, ngày 22 tháng 6 năm 2021.

**Mô tả nội dung:** bản sửa đổi nêu ra một số điểm khác so với phiên bản tiêu chuẩn cũ và dựa trên các quy định sau:

- Quy định châu Âu (EU) 2019/787 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng ngày 17/4/2019 về định nghĩa, mô tả, cách trình bày và ghi nhãn đồ uống có cồn; sử dụng tên của đồ uống có cồn trong việc trình bày và ghi nhãn các loại thực phẩm khác; việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho đồ uống có cồn; yêu cầu về sử dụng rượu etylic và các sản phẩm chưng cất có nguồn gốc nông nghiệp trong đồ uống có cồn và bãi bỏ Quy định (EC) số 110/2008.

- Bộ luật Liên bang Hoa Kỳ CFR Tiêu đề 27, đoạn 5.22.

Tất cả các phần của dự thảo này sẽ được tuyên bố là bắt buộc sau khi bản sửa đổi này có hiệu lực.

Cả tiêu chuẩn cũ và tiêu chuẩn sửa đổi mới sẽ được áp dụng trong ít nhất 2 năm sau khi bản sửa đổi có hiệu lực. Trong thời gian này, các sản phẩm có thể được kiểm tra và dán nhãn theo tiêu chuẩn cũ hoặc tiêu chuẩn sửa đổi mới.

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người.

**Thời gian góp ý:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.

**Thời hạn dự kiến có hiệu lực:** trong ít nhất 2 năm sau khi bản sửa đổi có hiệu lực.

**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Bộ Kinh tế và Công nghiệp.

Điện thoại: + (972) 74 7502236

Email: [Yael.Friedgut@economy.gov.il](mailto:Yael.Friedgut@economy.gov.il)



Đỗ Quyên biên tập



# TIN CẢNH BÁO

## TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



### BURUNDI

**Sản phẩm điều chỉnh:** rau đóng hộp các loại.

**Thông báo số:** G/TBT/N/BDI/125, ngày 14 tháng 6 năm 2021.

**Mô tả nội dung:** Tiêu chuẩn này áp dụng cho các loại rau đóng hộp cung cấp để tiêu dùng trực tiếp, kể cả cho mục đích ăn uống hoặc để đóng gói lại được định nghĩa trong phần 4 và các phụ lục tương ứng của tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn này không áp dụng đối với sản phẩm được chỉ định dùng để xử lý thêm; không đề cập đến các loại rau được lên men lacto, ngâm chua hoặc bảo quản trong giấm.

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** thông tin người tiêu dùng, nhãn mác; yêu cầu chất lượng; sự hài hòa.

**Thời gian góp ý:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.

**Thời hạn dự kiến có hiệu lực:** 6 tháng kể từ ngày thông qua.

**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Cục Tiêu chuẩn và Kiểm soát chất lượng Burundi (BBN).

Địa chỉ: Boulevard de la Tanzanie N°500

BP: 3535 Bujumbura, Burundi

Điện thoại: + 25722221815 - 25722221577

Email: [info@bbnburundi.org](mailto:info@bbnburundi.org)

Website: [www.bbnburundi.org](http://www.bbnburundi.org)



*Đỗ Quyên biên tập*

## CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI

### PHẦN MỀM CHẨN ĐOÁN BỆNH GÀ

Tại Việt Nam, chăn nuôi gà ngày càng phát triển (năm 2020, có gần 400 triệu con), kèm theo đó là tình hình dịch bệnh trên gà cũng rất phức tạp, với nhiều loại bệnh khác nhau. Do đó, để góp phần chẩn đoán và phòng trị bệnh cho gà nhanh chóng và chính xác, các nhà khoa học thuộc khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã phối hợp với Công ty Cổ phần DaeYong Việt Nam, Công ty TNHH KM Soft nghiên cứu, phát triển thành công phần mềm chẩn đoán bệnh gà.

Điểm nổi bật của phần mềm là có bộ dữ liệu về bệnh ở gà phong phú (hầu hết các bệnh thường gặp ở gà nuôi tại Việt Nam); có hình ảnh để người dùng so sánh và lựa chọn nhập thông tin cần chẩn đoán; có lịch sử lựa chọn giúp người dùng bổ sung thông tin một cách thuận tiện; hiển thị 3 bệnh mà gà có khả năng dễ mắc nhất; giới thiệu về bệnh được chẩn đoán và phác đồ phòng trị bệnh. Theo đánh giá của người dùng (bác sỹ thú y, kỹ sư chăn nuôi, người chăn nuôi...), phần mềm có khả năng chẩn đoán với độ chính xác (so với bác sỹ thú y có kinh nghiệm) là khá cao và hiệu quả trong việc điều trị bệnh ở gà.



Chương trình chẩn đoán một số bệnh thường gặp ở gà với độ chính xác cao về lâm sàng và thuận tiện sử dụng trên Smartphone, giúp người chăn nuôi có thể có định hướng điều trị, cũng như các

#### Giao diện phần mềm chẩn đoán bệnh gà

Phần mềm đã được đăng tải ở dạng ứng dụng trên nền tảng hệ điều hành Android và iOS (từ khóa tìm kiếm ứng dụng là “Chẩn đoán bệnh gà”). Người dùng có thể tải về và sử dụng miễn phí. Thời gian tới, các nhà khoa học sẽ trang bị thêm bản dịch song ngữ Anh - Việt và tính năng Machine Learning để phần mềm tự động sửa lỗi, giúp tăng tính chính xác trong chẩn đoán.

*Thanh Tuệ biên tập*

**Thông tin chi tiết xin liên hệ: TS. Đặng Hữu Anh - Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; Điện thoại: 0977832477.**

## CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI

### SẢN XUẤT VẢI CÓ ĐỘ CÁCH NHIỆT CAO



Công ty Cổ phần Viện Nghiên cứu Dệt may (Bộ Công Thương) đã hoàn thiện quy trình công nghệ và sản xuất thành công vải có độ cách nhiệt cao.

Nguyên liệu để sản xuất vải dệt kim có độ cách nhiệt cao là các loại sợi viloft 100%, sợi viloft pha polyeste, sợi viloft pha bông có các chỉ tiêu chất lượng đáp ứng yêu cầu cho sản xuất vải dệt kim đan ngang, đồng thời đạt chỉ số giữ nhiệt lớn hơn. Loại sợi vải này chủ yếu được dùng may đồ lót, tất, quần áo thể thao...

Hiện tại, Công ty Cổ phần Viện Nghiên cứu Dệt may đã sản xuất và tiêu thụ trên 43 tấn sợi và 22 tấn vải dệt kim có độ cách nhiệt cao, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng trong nước, góp phần làm tăng giá trị của vải dệt kim, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, giảm nhập khẩu vải, nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh và tạo việc làm cho người lao động.

*Thanh Tuệ biên tập*

**Thông tin chi tiết xin liên hệ: Công ty Cổ phần Viện Nghiên cứu Dệt May. Số 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; Điện thoại: 024.38624025; Fax: 024.38622867.**





## ỨNG DỤNG QUẢN LÝ TINH GỌN TRONG CÔNG NGHIỆP 4.0

Quản lý tinh gọn là phương pháp cải tiến có hệ thống, liên tục và tập trung vào việc tạo thêm giá trị cho khách hàng cùng lúc với việc loại bỏ các lãng phí trong quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ của một tổ chức, từ đó giúp cắt giảm chi phí, tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực, rút ngắn thời gian chu trình sản xuất, cung cấp dịch vụ, đồng thời tăng khả năng đáp ứng một cách linh hoạt các yêu cầu không ngừng biến động và ngày càng khắt khe của khách hàng. Để tối ưu hóa hoạt động sản xuất, doanh nghiệp cần phải hiểu được sự tương tác giữa quản lý tinh gọn truyền thống và Công nghiệp 4.0, còn được gọi là Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 (Lean Industry 4.0). Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 là phương pháp hiệu quả nhất để đạt đến cấp độ phát triển tiếp theo của Quản lý tinh gọn.

### Lợi ích của Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0

#### *Tăng tính linh hoạt*

Tính linh hoạt cho phép doanh nghiệp sử dụng một dây chuyền sản xuất để tạo ra nhiều sản phẩm. Tuy nhiên, tính linh hoạt cũng đòi hỏi nhiều thời gian để sử dụng máy móc và sản xuất các sản phẩm khác nhau. Triển khai các công cụ quản lý tinh gọn, doanh nghiệp có thể loại bỏ các hoạt động không tạo ra giá trị gia tăng, do đó, đẩy nhanh quá trình sản xuất. Công nghệ 4.0 đã thúc đẩy triển khai các hoạt động này. Các cảm biến, phần mềm giúp máy móc có thể “tự động” nhận dạng sản phẩm; sử dụng các chương trình, công cụ phù hợp để thực hiện hoạt động gia tăng giá trị mà không có sự tham gia trực tiếp của con người.

## **Cải thiện năng suất**

Trong nhiều ngành sản xuất, sự cố và hỏng hóc thiết bị là một trong những nguyên nhân dẫn đến năng suất thấp. Các doanh nghiệp có thể sử dụng phương pháp quản lý tinh gọn (như bảo trì tự động, phòng ngừa...) để tăng hiệu quả thiết bị tổng thể (Overall Equipment Effectiveness, OEE).

Doanh nghiệp sử dụng các thuật toán phân tích tiên tiến và kỹ thuật “học máy” để phân tích lượng dữ liệu lớn được thu nhận bởi các cảm biến, qua đó xác định khả năng sự cố có thể xảy ra. Từ đó, giúp doanh nghiệp chủ động thực hiện bảo trì vào thời điểm tối ưu; giảm sự gián đoạn, thời gian ngừng hoạt động, chi phí thay thế không cần thiết.

Ngoài việc cải thiện năng suất thông qua bảo trì, công cụ quản lý tinh gọn sẽ thúc đẩy cải tiến liên tục, bảo đảm tính minh bạch cao hơn thông qua công nghệ dữ liệu lớn.

## **Tăng tốc độ sản xuất**

Các doanh nghiệp ngày nay phải đối mặt với những khó khăn về kế hoạch sản xuất khi tăng số lượng các “phiên bản khác nhau” của sản phẩm, đồng thời giảm quy mô sản xuất. Doanh nghiệp áp dụng các công cụ cốt lõi của Quản lý tinh gọn để đáp ứng yêu cầu sản xuất, xác định và cập nhật những thay đổi trong kế hoạch sản xuất. Tuy nhiên, công cụ này không hiệu quả để lập kế hoạch và kiểm soát sản xuất theo thời gian thực. Bằng cách áp dụng một số thuật toán nhất định, doanh nghiệp có thể vượt qua những thách thức này thông qua sử dụng các dữ liệu theo thời gian thực.

Dữ liệu theo thời gian thực cũng giúp tăng tốc độ cải tiến liên tục. Doanh nghiệp có thể sử dụng dữ liệu theo thời gian thực để xác định nguyên nhân về hiệu suất, tăng tốc độ cải tiến, từ đó cho phép triển khai nhanh hơn các biện pháp trong toàn bộ nhà máy.

## **Kiểm soát chất lượng**

Quá trình sản xuất không đạt yêu cầu nếu chất lượng sản phẩm không đáp ứng các thông số kỹ thuật. Đặc biệt, nếu cung cấp sản phẩm kém chất lượng cho khách hàng, doanh nghiệp sẽ phải chịu chi phí cao hơn và khách hàng có thể mất niềm tin vào doanh nghiệp. Nhiều công cụ quản lý tinh gọn (tự kiểm tra, poka yoke - công cụ chống sai lỗi, jidoka - tự động hóa thông minh...) đã được phát triển để giảm khả năng xảy ra lỗi và tăng tốc độ phát hiện lỗi.

Việc tự kiểm tra giúp cải thiện quá trình, từ đó tăng tốc độ phát hiện lỗi, dẫn đến giảm số lượng lỗi từ 50-70%. Tuy nhiên, để đạt được các khả năng xảy ra lỗi “bằng 0”, doanh nghiệp phải thực hiện tự kiểm tra bằng cách phân tích dựa trên dữ liệu để xác định nguyên nhân của lỗi. Các công nghệ của Công nghiệp 4.0 hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hoạt động này thông qua việc cung cấp, theo dõi chi tiết nguồn dữ liệu đáng tin cậy.

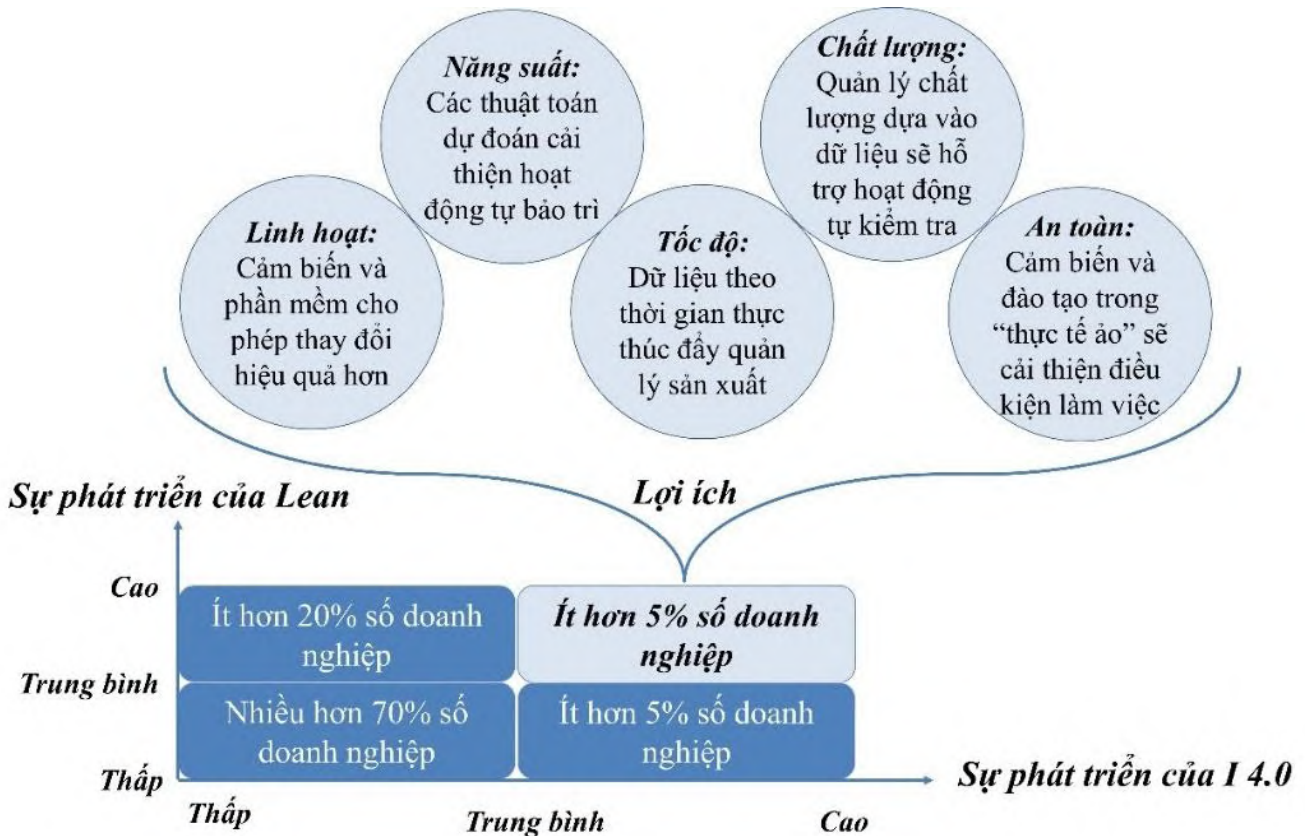
## **Bảo đảm an toàn**

An toàn là một trong những chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) quan trọng nhất của quá trình sản xuất. Để đảm bảo an toàn, Quản lý tinh gọn sử dụng các “dấu hiệu cảnh báo an toàn”. Ngoài ra, Quản lý tinh gọn còn được sử dụng theo

đổi chi tiết sự cố để xác định các vấn đề cần được cải thiện. Doanh nghiệp có thể sử dụng cảm biến không dây để nâng cao hiệu quả của tính an toàn.

Doanh nghiệp có thể giải quyết các yêu cầu an toàn thông qua công nghệ thực tế

ảo để đào tạo người lao động. Đào tạo tại chỗ trong môi trường ảo sẽ hiệu quả hơn so với đào tạo trong môi trường thực tế, đặc biệt là cách tiếp cận hấp dẫn thế hệ lao động trẻ.



Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 - Cơ hội tăng trưởng

## Tiềm năng cải tiến phương pháp tích hợp Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0

Tiềm năng cải tiến của phương pháp tích hợp Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 là rất đáng kể. Nghiên cứu của Tập đoàn tư vấn Boston cho thấy, nếu chỉ áp dụng một trong 2 cách tiếp cận Quản lý tinh gọn hoặc Công nghiệp 4.0, doanh nghiệp chỉ có thể giảm khoảng 15% chi phí. Doanh nghiệp sử dụng phương pháp tích hợp Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 có thể giảm đến 40% chi phí.

Tiềm năng cải tiến của Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 lớn hơn tổng số các cải tiến đạt được bằng cách tiếp cận độc lập Quản lý tinh gọn hoặc Công nghiệp 4.0. Tích hợp Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 hỗ trợ thúc đẩy lợi ích vượt quá giới hạn của từng phương pháp riêng lẻ. Sử dụng các cảm biến và dữ liệu để cung cấp thông tin minh bạch cho phép doanh nghiệp áp dụng các công cụ quản lý tinh gọn để cải thiện hiệu quả thiết bị tổng thể của doanh nghiệp.



## **Xây dựng phương pháp Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0**

Xây dựng phương pháp Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 gồm 3 giai đoạn chính: đổi mới, thí điểm, quy mô.

- Giai đoạn đổi mới: để bắt đầu giai đoạn đổi mới, doanh nghiệp phải hình thành sự minh bạch về nhu cầu, thách thức kinh doanh; đánh giá toàn diện, làm rõ hiện trạng và xác định các ưu tiên để cải thiện nhằm áp dụng Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0.

- Giai đoạn thí điểm/pilot: doanh nghiệp thử nghiệm các giải pháp cụ thể trong một phần của nhà máy hoặc chuỗi cung ứng để áp dụng những kiến thức về Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0. Mục tiêu của giai đoạn Pilot là nhanh chóng phát triển một giải pháp khả thi và sau đó cải thiện các giải pháp này. Doanh nghiệp tiếp cận các cơ hội để tạo ra giá trị. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp có thể thực hiện triển khai Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 tại một số phần khác của nhà máy hoặc chuỗi cung ứng.

- Giai đoạn quy mô: các giải pháp Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 đã được thử nghiệm và cải tiến thành công trong các pilot được áp dụng ở quy mô tại toàn nhà máy và trên toàn chuỗi cung ứng. Tại thời điểm này, doanh nghiệp nên tiến hành triển khai theo trình tự hợp lý cho phép tích hợp các giải pháp hiệu quả khi được triển khai ở quy mô đầy đủ; cần theo dõi chặt chẽ tiến trình hướng đến trạng thái mục tiêu.

Để đạt mục tiêu xuất sắc trong hoạt động, doanh nghiệp không thể chỉ dựa

vào Quản lý tinh gọn hoặc Công nghiệp 4.0 một cách riêng lẻ. Quản lý tinh gọn là phương pháp cần thiết để ngăn ngừa tự động hóa lãng phí, đồng thời “là chìa khóa” để tiếp cận các tiềm năng của Công nghiệp 4.0. Công nghệ trong Công nghiệp 4.0 cũng là các yếu tố cần thiết để hỗ trợ các công cụ quản lý tinh gọn đạt được mức độ tác động cao hơn. Do đó, doanh nghiệp phải thiết kế sáng tạo để kết hợp các công cụ quản lý tinh gọn và Công nghiệp 4.0, áp dụng Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 để trở thành các nhà vô địch xuất sắc trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Phương pháp Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 được đánh giá theo 5 nội dung sau:

- Theo nhu cầu và thách thức kinh doanh của doanh nghiệp

Việc đánh giá phương pháp Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 bắt đầu bằng việc nắm vững các nhu cầu, thách thức kinh doanh của doanh nghiệp. Các nhu cầu, thách thức quan trọng nhất thường xuất hiện theo thời gian để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, thị trường; xảy ra từ đầu đến cuối của quá trình sản xuất tại nhà máy và trong chuỗi cung ứng. Xu hướng về nhu cầu, thách thức kinh doanh của doanh nghiệp góp phần làm tăng tính linh hoạt trong dây chuyền sản xuất.

- Theo mức độ cải tiến hoạt động

Cần đánh giá các điểm chính trong từng chức năng hoạt động của doanh nghiệp, qua đó xác định cách thức để giải quyết vấn đề thông qua ứng dụng tích hợp Quản lý tinh gọn và Công nghiệp 4.0.

Để áp dụng Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 thành công, doanh nghiệp cần thực hiện việc cải tiến các chức năng hoạt động trên toàn bộ chuỗi giá trị (gồm mua sắm, kỹ thuật, sản xuất, bảo trì, chất lượng, logistic...). Để đảm bảo việc tiếp cận toàn diện, mỗi chức năng được cải tiến đều hỗ trợ tốt nhất cho doanh nghiệp để giải quyết các nhu cầu kinh doanh; các chức năng có thể phối hợp, tương tác với nhau để tạo ra giá trị vượt trội trong quy trình sản xuất.

## - Theo yêu cầu quản lý hiệu suất

Cần xác định các khía cạnh cụ thể của hiệu suất có thể đo lường. Các số liệu đo được sẽ cho phép doanh nghiệp cải thiện hoạt động để hướng đến tầm nhìn mục tiêu của đơn vị. Cảm biến cung cấp nhiều dữ liệu về hiệu suất theo thời gian thực hơn, do đó, có thể sử dụng để quản lý hiệu suất trong nhà máy. Ngoài ra, công nghệ trực quan hóa theo thời gian thực cho phép doanh nghiệp có thể phát hiện, sửa lỗi ngay lập tức trong quy trình sản xuất.

## - Theo yêu cầu quản lý con người

Đánh giá, xem xét các khía cạnh liên quan đến quản lý con người trong Quản

lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0 nhằm đánh giá các chương trình đào tạo truyền thống, xác định và áp dụng các cách thức mà công nghệ có thể giúp cải thiện sự hợp tác giữa người lao động trong doanh nghiệp. Với việc triển khai Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0, hoạt động phát triển, đào tạo nguồn nhân lực giữ vai trò ngày càng quan trọng do người lao động cần được chuẩn bị cho những cách làm việc mới, tương tác với công nghệ.

## - Theo nền tảng Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0

Chiến lược, lộ trình, mô hình quản trị, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, áp dụng hệ thống bảo mật dữ liệu... là những yếu tố rất quan trọng để triển khai Quản lý tinh gọn trong Công nghiệp 4.0. Việc kiểm tra mức độ áp dụng công nghệ thông tin được thực hiện thông qua tích hợp dữ liệu, tính tương tác và kết nối của hệ thống. Việc kiểm tra thông tin dữ liệu hiện có sẽ được sử dụng để tối ưu hóa quy trình sản xuất.

*Tổng hợp bởi Uyên Phương*

## **CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA GIAI ĐOẠN 2021-2030**

Ngày 19/5/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

Thông tư này quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình 1322).

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322.

Theo đó, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322; nguồn kinh phí của các doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công và các quy định hiện hành. Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định một số nội dung cụ thể sau:

- Lập dự toán: hàng năm, vào thời điểm lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, các tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ của Chương trình 1322, căn cứ vào các nhiệm vụ được phê duyệt và nội dung hướng dẫn tại Thông tư này để lập dự toán kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện nhiệm vụ của Chương trình 1322, gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp chung vào dự toán của các bộ, ngành, địa phương (theo phân cấp quản lý ngân sách) gửi cơ quan tài chính (đối với chi thường xuyên), cơ quan kế hoạch và đầu tư (đối với chi đầu tư phát triển) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và phối hợp thực hiện.

- Việc phân bổ, giao dự toán, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn. Trong đó:



+ Đối với dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia của Chương trình 1322, dự toán kinh phí giao về Bộ Khoa học và Công nghệ để ký hợp đồng với cơ quan chủ trì thực hiện theo đúng quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn.

+ Đối với dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, địa phương và cấp cơ sở (nếu có) của Chương trình 1322, dự toán kinh phí giao về các bộ, địa phương và đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện theo đúng quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn.

- Trong trường hợp nhiệm vụ không được thực hiện theo đúng kế hoạch, việc huy động, giải ngân các nguồn kinh phí khác không đúng tiến độ, hoặc không đúng với cơ cấu và tổng mức quy định tại Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc theo hợp đồng đã ký; kinh phí được giao sử dụng sai mục đích, sai chế độ:

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý kinh phí của Chương trình 1322 có trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý như sau: dừng giải ngân kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; hoặc đình chỉ nhiệm vụ; hoặc xuất toán khoản chi sai, thu hồi nộp ngân sách nhà nước (đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước), yêu cầu đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ xử lý khoản chi sai (đối với nguồn kinh phí khác) và các hình thức xử lý khác theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp bị đình chỉ nhiệm vụ; thu hồi các khoản chi sai chế độ đã thanh toán tại Kho bạc Nhà nước: cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý Chương trình có trách nhiệm ban hành quyết định xử lý đình chỉ nhiệm vụ, thu hồi các khoản chi sai chế độ, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước để làm căn cứ thu hồi nộp ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định cụ thể nội dung và mức chi để thực hiện:

- Công tác thông tin, truyền thông về năng suất, chất lượng:

+ Xây dựng chương trình truyền thông về năng suất, chất lượng; phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất, chất lượng.

+ Tạo lập, duy trì và khai thác phát triển cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn đối sánh, thực hành tốt về năng suất để phục vụ doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu liên quan khác.

- Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng:

+ Xây dựng, ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chuyên gia năng suất.

+ Biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao năng suất, chất lượng.

+ Chi tổ chức các khóa đào tạo trong nước đối với chuyên gia năng suất, chất lượng, giảng viên năng suất, chất lượng, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động các kiến thức, kỹ năng về năng suất, chất lượng; mở rộng đào tạo kiến thức về năng suất, chất lượng trong các trường đại học, cao đẳng, trung

học chuyên nghiệp và dạy nghề. Tổ chức các khóa đào tạo tại nước ngoài cho các chuyên gia năng suất, chất lượng đạt trình độ khu vực và quốc tế.

- + Thuê chuyên gia, giảng viên trong và ngoài nước tham gia các khóa đào tạo chuyên gia năng suất chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định.

- Tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:

- + Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phục vụ trực tiếp cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

- + Hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế.

- + Hỗ trợ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực.

- Phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình 1322 tại Trung ương và địa phương:

- + Tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các nhiệm vụ của Chương trình 1322; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan thường trực hoặc đầu mối tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức hội thảo khoa học.

- + Xác định nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, các giải pháp

về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy năng suất quốc gia, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng.

- + Công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình 1322.

- + Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng.

- + Các hoạt động hợp tác quốc tế về năng suất, chất lượng.

- + Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh cơ chế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp ở các cấp độ và các khoản chi khác trực tiếp thực hiện Chương trình 1322.

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế:

- + Các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện tham gia Chương trình 1322 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ được hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng; hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh

nghiệp. Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực.

Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 quy định tại Thông tư này là các mức tối đa. Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình 1322 và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, HĐND cấp tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các mức chi đảm bảo phù hợp.

Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 có hiệu quả, không trùng lặp với các chương trình, dự án khác; đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Thông tư số 35/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/7/2021.

*Theo Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ Tài chính*